TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **185/**2024/HNGĐ-ST.
Ngày 31/7/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ và bà Lộc Thị Kim Thơm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Kim Dung – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 98/2024/TLST- HNGĐ, ngày 19/4/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 02/4/2018. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, anh T1 có đánh chị nhiều lần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung,

không tin tưởng lẫn nhau, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Hiện nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/8/2018. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tuấn K, không đề nghị anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị T xác định chị và anh Nguyễn Văn T1, không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Hà Thị T xác định chị và anh Nguyễn Văn T1 không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/4/2018. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, có lần do bực tức anh có được đánh chị T 2-3 lần nhưng chỉ đánh nhẹ, không gây thương tích gì. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, chị T đi làm ít quan tâm đến anh nên anh có nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Hiện nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại phiên toà, anh T1 xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T1 xác định, anh và chị Hà Thị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/8/2018, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tuấn K, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T1 xác định anh và chị Hà Thị T, không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T1 xác định, anh và chị Hà Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị:

+ Về hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T2 xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn Đ, xã Đ, huyện H; xác minh tại tổ dân phố V, thị trấn Y; lấy ý kiến của thân nhân chị T và anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2018 tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn Y), huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; Chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố V, thị trấn Y, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND thị trấn Y), huyện Y, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế và đề nghị được ly hôn với anh T1; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh T1 xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện nay không còn quan hệ vợ chồng, chị T đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn; cả chị T và anh T1 cùng đề nghị Toà án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

HĐXX xét thấy, cả chị T và anh T1 cùng xác định đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế; trong thời gian sống ly thân cả hai cũng không có cách thức biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt mà người nào chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống, trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, cả hai đều nhất trí thuận tình ly hôn và đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Vì vậy HĐXX cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/8/2018, cả hai đương sự đều đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng. HĐXX xét thấy, nguyện vọng nuôi con của cả hai bên đương sự khi ly hôn đều có căn cứ nên cần xem xét điều kiện bên nào đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật.

Theo kết quả xác minh tại thôn Đ, xã Đ, huyện H; xác minh tại tổ dân phố V, thị trấn Y, huyện Y, thể hiện: Từ sau khi kết hôn và sinh cháu Nguyễn Tuấn K hai vợ chồng chị T, anh T1 và cháu K ở cùng bố mẹ anh T1 tại tổ dân phố V, thị trấn Y, chưa có nhà ở riêng; sau khi ly thân chị T chuyển về sinh sống cùng bố mẹ là ông Hà Xuân T3 và bà Trần Thị Tự t thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ông T3 và bà T4 có nhà ở ổn định (nhà xây kiên cố khoảng 120m^2, có 03 phòng ngủ, bếp và công trình phụ đầy đủ) ngoài ra còn có đất làm vườn, đất trồng cây ăn quả để canh tác; chị T hiện nay làm công nhân nhưng cuối tuần và ngày nghỉ vẫn thường xuyên về nhà, chị T xuất trình bảng kê trả lương chi tiết hàng tháng qua ngân hàng mức thu nhập bình quân khoảng từ 11.000.000đ - 13.000.000

đồng/tháng; ngoài ra chị T còn xuất trình hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T3, bà T4 với chị T có nội dung tặng cho chị T diện tích đất 160m^2, cả chị T, ông T3, bà T4 đều xác định việc tặng cho diện tích đất trên nhằm mục đích sau khi ly hôn chị T sẽ làm nhà để hai mẹ con ở; chị T tuy hiện nay đang ở cùng bố mẹ nhưng bố mẹ chị T hiện nay vẫn còn khoẻ mạnh, có công việc thu nhập ổn định, hiện nay không phải chăm sóc ai, cả bố mẹ chị T đều cam kết sẽ phụ giúp chị T trong việc chăm sóc, đưa đón cháu K nếu chị T được quyền nuôi con. Đối với anh T1 quá trình giải quyết vụ án khai nghề nghiệp là lao động tự do (làm thợ xây) mức thu nhập khoảng 8.000.000 đồng - 13.000.000 đồng/tháng (tuỳ theo từng tháng); quá trình xác minh tại tổ dân phố V và bố đẻ anh T1 là ông Nguyễn Văn H xác định hiện nay anh T1 thường xuyên đi làm ăn xa nhà, công việc cụ thể, thu nhập như thế nào thì không nắm được, anh T1 cũng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh thu nhập của mình; anh T1 và cháu K hiện nay đang ở cùng bố mẹ anh T1. Tuy nhiên gia đình bố mẹ anh T1 ngoài anh T1 và cháu K ra còn có chị gái và vợ chồng em trai anh T1 cùng 04 người cháu ở cùng, từ trước đến nay việc lo sinh hoạt, đưa đón cháu K cùng 04 người cháu đi học đều do bố mẹ anh T1 đảm nhiệm, anh T1 cũng không thường xuyên ở nhà chăm sóc cháu K; việc bố mẹ anh T1 cùng một lúc chăm sóc cháu K và 04 người cháu còn lại sẽ không đảm bảo các điều kiện tốt nhất.

So sánh về điều kiện thì anh T1 không đảm bảo các điều kiện về chỗ ở, sinh hoạt cũng như thu nhập bằng chị T, bản thân anh T1 hiện nay cũng không thường xuyên, trực tiếp chăm sóc cháu K; Mặt khác cháu K hiện nay còn nhỏ nếu giao cho mẹ chăm sóc sẽ phù hợp hơn cho sự phát triển của cháu.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu K cần giao cháu Nguyễn Tuấn K cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hà Thị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng, nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" của chị Hà Thị T với anh Nguyễn Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Nguyễn Văn T1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 20/4/2018, tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang*). Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 18/8/2018 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000759, ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND thị trấn Yên Sơn (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Huệ **Lộc Thị Kim Thơm** **Vũ Mạnh Hồng**